

VỀ VIỆC THỰC HIỆN CAM KẾT KHI GIA NHẬP WTO

*Đinh Ngọc Vương**

Đặt vấn đề

Sau hơn một thập kỷ đàm phán, ngày 11 tháng 01 năm 2007, Việt Nam đã chính thức bước vào sân chơi chung với 149 nước trên thế giới. Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, chúng ta đã tiến hành nhiều phiên đàm phán song phương và đa phương. Kết quả của đàm phán song phương là các tuyên bố giữa Việt Nam và các đối tác. Kết quả đàm phán đa phương được thể hiện trong Báo cáo gia nhập. Báo cáo này do Ban Thư ký tổng hợp, dựa trên các bản trả lời câu hỏi, các chương trình hành động và các bản thông báo về chế độ, chính sách mà Việt Nam gửi cho Ban công tác. Báo cáo bao gồm các đoạn văn có đánh số, sắp xếp theo từng đề mục theo mẫu chung của WTO. Kèm theo Báo cáo là các phụ lục kèm theo.

• Báo cáo của Ban công tác là một văn kiện đồ sộ. Toàn bộ nội dung Báo cáo của Ban công tác cho thấy sự nỗ lực của đoàn đàm phán Việt Nam trong các cuộc đàm phán đa phương. Báo cáo của Ban công tác gồm 528 đoạn nói về các vấn đề lớn mà Việt Nam cam kết khi gia nhập WTO: Chính sách kinh tế; Khuôn khổ ban hành và thi hành chính sách; Các chính sách ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa; Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại; Các chính sách ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ; Minh bạch hóa, trong đó có nhiều đoạn nêu rõ các cam kết cụ thể của Việt Nam. Về nguyên tắc, khi chúng ta ký kết, gia nhập điều ước quốc tế, chúng ta phải ưu tiên áp dụng các quy định của điều ước quốc tế nếu các quy định đó khác với các quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, các cam kết gia nhập WTO có những nét khác biệt, chúng ta phải sửa đổi pháp luật cho phù hợp với các cam kết gia nhập WTO. Thực ra quá trình sửa đổi pháp luật cho phù hợp với quy

định của WTO không phải chỉ đặt ra khi chúng ta đã gia nhập WTO mà đã diễn ra suốt mấy năm qua, phục vụ cho việc đàm phán đa phương và song phương, đặc biệt là các cuộc đàm phán đa phương. Cho đến kỳ họp Quốc hội cuối năm 2006, Việt Nam đã hoàn tất hầu hết các mục của bản chào xây dựng pháp luật của mình. Sau khi đã chính thức gia nhập WTO, chúng ta vẫn phải tiếp tục sửa đổi pháp luật cho phù hợp với những cam kết khi gia nhập. Kết quả phân tích sơ bộ bước đầu cho thấy một số văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung như: Luật Điện ảnh về việc không hạn chế số lượng phim được nhập khẩu vì quy định này trái với quy định WTO; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 được sửa đổi, bổ sung năm 2002 về minh bạch hóa chính sách pháp luật, trong đó cần điều chỉnh về thời hạn đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để lấy ý kiến góp ý trên trang tin điện tử không ít hơn 60 ngày trước khi được ban hành¹; Quy định về việc chỉ có văn bản đăng công khai trên Công báo thì mới có hiệu lực thi hành; Bộ luật Hình sự cần quy định đầy đủ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp...

Việc thực hiện cam kết WTO gắn với các khái niệm được sử dụng trong quá trình đàm phán gia nhập WTO: “thời kỳ quá độ”, “cam kết theo lộ trình”, “12 năm kể từ ngày gia nhập là nền kinh tế phi thị trường”. Thời kỳ quá độ thường được dùng chung cho thời hạn chuyển đổi pháp luật để phù hợp hoàn toàn với các nguyên tắc của WTO hay về tiếp cận thị trường. Lộ trình thực hiện thể hiện rõ về thời hạn và các bước đi cụ thể để thực hiện một cam kết về mở cửa thị trường. Việt Nam

* PGS. TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

¹ Mới đây Văn phòng Quốc hội đã khai trương website lấy ý kiến của nhân dân về các dự luật trước khi trình Quốc hội. Đây chính là biện pháp thực hiện cam kết WTO về minh bạch hóa chính sách pháp luật (địa chỉ: <http://www.duthaonline.quochoi.vn>).

chấp nhận bị coi là nền kinh tế phi thị trường 12 năm (không muộn hơn ngày 31/12/2018). Tuy nhiên, trước thời điểm trên, nếu Việt Nam chứng minh được với đối tác nào đó là nền kinh tế Việt Nam đã hoàn toàn hoạt động theo cơ chế thị trường thì đối tác đó sẽ ngừng áp dụng chế độ "phi thị trường" đối với Việt Nam. Chế độ "phi thị trường" nói trên chỉ có ý nghĩa trong các vụ kiện chống bán phá giá. Các thành viên WTO không có quyền áp dụng cơ chế tự vệ đặc thù (là cơ chế khác với cơ chế chung trong WTO mà một số nước có nền kinh tế phi thị trường khi gia nhập WTO phải chịu) đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam dù Việt Nam bị coi là nền kinh tế phi thị trường. Trong quá trình đàm phán, chúng ta đã có sự thỏa thuận với một số đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc về công nhận nền kinh tế thị trường của nhau. Còn với các đối tác khác, trong quá trình thực hiện chúng ta có thể rút ngắn thời gian, không phải cứ phải qua 12 năm mới công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam.

1. Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và vấn đề thực hiện cam kết WTO

Điều 6 Luật Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế (năm 2005) quy định về mối tương quan giữa điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam như sau: "1. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về cùng một vấn đề.

3. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, chi tiết để thực

hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó".

Phải nói rằng, đây là quy định mới về mối tương quan giữa pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là đáp ứng những đòi hỏi của việc thực hiện các cam kết khi chúng ta gia nhập WTO.

Trong thời gian qua, Quốc hội chúng ta đã phải "tăng tốc" ban hành các văn bản pháp luật mới, sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam để gia nhập WTO. Khi đàm phán đa phương, chúng ta phải cung cấp hàng trăm văn bản pháp luật để chứng minh rằng hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn toàn phù hợp với các hiệp định của WTO. Trong số các văn bản được đính kèm với tính cách là phụ lục của Báo cáo gia nhập WTO của Việt Nam của Ban công tác có các văn bản pháp luật quan trọng mới ban hành trong thời gian qua như: Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 tháng 6 năm 2005; Luật Du lịch số 44/2005/QH11 tháng 6 năm 2005; Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 40/2005/QH11 tháng 6 năm 2005; Luật Đường sắt tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông ngày 7 tháng 6 năm 2002; Luật Giao dịch Điện tử số 51/2005/QH11 tháng 12 năm 2005; Thông tư số 04/2005/TT-VPCP Về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định Chính phủ số 104/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2004 về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hoạt động của Công báo ở Trung ương ngày 21 tháng 3 năm 2005; Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg Về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ngày 26 tháng 5 năm 2005; Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 Về việc chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ngày 29 tháng 4 năm 2004; Nghị định số 19/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hoá ngày 20

tháng 2 năm 2006...

Trước đây, theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1998, việc thực hiện điều ước quốc tế được quy định khá bao quát "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nghiêm chỉnh tuân thủ điều ước quốc tế mà mình đã ký kết, đồng thời đòi hỏi các bên ký kết khác cũng nghiêm chỉnh tuân thủ điều ước quốc tế đã được ký kết với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Một trong những quy định mới của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế là việc chúng ta làm rõ cơ chế thực hiện trực tiếp các cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà chúng ta ký kết hoặc gia nhập. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó.

Nghị định thư gia nhập WTO được đề ngỏ đến ngày 30/6/2007 để nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn. Tuy nhiên, do có sự chuẩn bị từ trước, ngày 30 tháng 11 năm 2006 Quốc hội nước ta đã phê chuẩn Nghị định thư này. Khi phê chuẩn nghị định thư gia nhập WTO, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết thể hiện rất rõ quan điểm của chúng ta đối với việc thực hiện các cam kết gia nhập WTO. Nghị Quyết nêu rõ việc áp dụng trực tiếp các cam kết của Việt Nam được ghi tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này và các cam kết khác của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới được quy định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới. Trong trường hợp quy định của pháp luật Việt Nam không phù hợp với quy định của Hiệp định thành lập Tổ

chức Thương mại thế giới, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm thì áp dụng quy định của Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm.

Quốc hội cũng giao nhiệm vụ cho Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: *Một là*, rà soát các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới được quy định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các Phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới, nhưng chưa được ghi trong Phụ lục đính kèm Nghị quyết này để áp dụng trực tiếp và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; *Hai là*, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phù hợp với cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới; *Ba là*, trên cơ sở đánh giá những cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn, những tác động của việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đẩy mạnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Như vậy, quy định của Việt Nam về thực hiện cam kết quốc tế nói chung, trong đó có các cam kết gia nhập WTO đã thực sự phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với nội dung nguyên tắc thứ 7 trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại "Pacta Sunt Servanda". Không những các cam kết gia nhập WTO được chúng ta cam kết thực hiện bằng cả hệ thống pháp luật mà chúng ta còn quy định một cơ chế hữu hiệu để thực hiện các cam kết đó.

2. Các cam kết khi gia nhập WTO và lộ trình thực hiện

Trong quá trình đàm phán song phương để gia nhập WTO, các thành viên WTO thường yêu cầu nước xin gia nhập phải cam kết: 1) ràng buộc mức trần cho tất cả các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu của mình; 2) chỉ dùng thuế nhập khẩu làm công cụ để bảo hộ; và 3) tại cửa khẩu, ngoài thuế nhập khẩu, không sử dụng phí, lệ phí và các khoản thu khác nhằm mục đích thu ngân sách. Các thành viên WTO cũng thường yêu cầu phải giảm thuế, nhất là các mặt hàng đang có thuế suất áp dụng cao và yêu cầu các nước xin gia nhập tham gia vào các hiệp định tự do hoá theo ngành để cắt giảm toàn bộ thuế áp dụng cho ngành đó xuống mức 0% (như Hiệp định công nghệ thông tin, Hiệp định về thiết bị máy bay dân dụng, thiết bị y tế) hoặc hài hoà thuế suất ở mức thấp (như Hiệp định hoá chất, Hiệp định hàng dệt may).

Trong đàm phán thuế nhập khẩu với Việt Nam, các thành viên đưa ra yêu cầu rất cao. Nếu theo các yêu cầu này, tuyệt đại đa số các dòng thuế sẽ phải giảm xuống 0-5, chỉ một số ít mặt hàng được duy trì mức 10%-20%. Thời gian để thực hiện giảm thuế thường không quá 3 năm, tuyệt đại đa số các trường hợp là phải giảm ngay từ khi gia nhập. Những mặt hàng được các Thành viên đặc biệt quan tâm là nông sản (như thịt, sữa, đường, lá thuốc lá) và các nhóm hàng thuộc các hiệp định tự do hóa theo ngành (như rượu, bia, sản phẩm công nghệ thông tin, hoá chất, dệt may, thiết bị máy bay dân dụng, thiết bị xây dựng, giấy, cá ...).

Khi đàm phán song phương chúng ta đã đặt ra nguyên tắc cơ bản là: không gây biến động lớn đối với sản xuất trong nước, bảo hộ có chọn lọc, có thời hạn và xem xét việc giảm thuế trong bối cảnh đã có các cam kết cắt giảm thuế cho các nước ASEAN (theo CEPT/AFTA) và cho các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc ... (theo khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do). Ngoài ra, cần nỗ lực duy trì mức độ bảo hộ nhất định đối với một số mặt hàng trọng yếu, có ý nghĩa cơ bản đối với nền kinh tế, những mặt hàng nhạy cảm đối với sản xuất trong nước. Cũng cần phải thấy rằng,

theo quy định của WTO những cam kết cần phải được thực hiện nhưng không ảnh hưởng tới những cam kết trong các khu vực mậu dịch tự do.

Theo Tờ trình của Chính phủ trước Quốc hội, như tất cả các nước mới gia nhập khác, ta cũng cam kết tham gia một số hiệp định tự do hoá theo ngành. Những ngành mà ta cam kết tham gia đầy đủ là sản phẩm công nghệ thông tin (ITA), dệt may và thiết bị y tế. Những ngành mà ta tham gia một phần là thiết bị máy bay, hoá chất và thiết bị xây dựng. Thời gian để giảm thuế là từ 3-5 năm.

Nếu so sánh cam kết song phương mà chúng ta đã đàm phán với các đối tác so với Trung Quốc, diện cam kết của ta rộng hơn một chút (Trung Quốc cam kết 10 ngành và 99 phân ngành). Về mức độ cam kết, có dịch vụ ta cao hơn nhưng cũng có nhiều dịch vụ, trong đó có những dịch vụ nhạy cảm, ta cam kết dưới mức của Trung Quốc. Vì vậy, xét về tổng thể cam kết của nước ta và Trung Quốc là tương đương. Đây là nỗ lực rất lớn của ta bởi ta gia nhập sau Trung Quốc 5 năm. Có một thực tế là, những nước gia nhập sau đều bị ép cam kết cao hơn mức mà các thành viên đã đạt được với những nước đã gia nhập trước đó.

Các luật sư của Việt Nam rất quan tâm tới những cam kết của Việt Nam về dịch vụ pháp lý. Trong cam kết của Việt Nam về dịch vụ pháp lý có những điểm cần chú ý: chúng ta cam kết toàn bộ các dịch vụ được phân loại vào dịch vụ pháp lý, ngoại trừ: (i) tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người đại diện cho khách hàng của mình trước tòa án; và (ii) các dịch vụ về giấy tờ và chứng thực pháp lý trong phạm vi luật Việt Nam. Tổ chức luật sư nước ngoài được hiện diện tại Việt Nam dưới các hình thức chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam và hợp danh giữa tổ chức luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam. Hiện diện thương mại của tổ chức luật sư nước ngoài được tư vấn pháp luật Việt Nam nếu có luật sư tư vấn tốt nghiệp đại học luật của Việt Nam và đáp ứng được các điều

kiện áp dụng cho các luật sư hành nghề của Việt Nam. Việt Nam cũng đồng ý dành đối xử quốc gia cho hiện diện thương mại của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Chúng ta cũng đã cam kết về các ngành dịch vụ khác như: Dịch vụ kế toán, kiểm toán, dịch vụ thuế; Dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị; Dịch vụ máy tính; Dịch vụ quảng cáo; Dịch vụ nghiên cứu phát triển, dịch vụ nghiên cứu thị trường, dịch vụ tư vấn quản lý; Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý; Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật; Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp, dịch vụ thú y; Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ, dịch vụ liên quan tư vấn khoa học kỹ thuật; Dịch vụ liên quan đến sản xuất, dịch vụ sửa chữa thiết bị; Dịch vụ thông tin (dịch vụ chuyển phát nhanh, dịch vụ viễn thông); Dịch vụ nghe nhìn.

Trong đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam đã phải đối diện với hai luồng quan điểm trái ngược. Hoa Kỳ và một số đối tác có thế mạnh về dịch vụ nghe nhìn muốn Việt Nam cam kết tự do dịch vụ này trong khi EU đề nghị chúng ta không đưa vào cam kết. Cuối cùng, chúng ta đưa ra cam kết về dịch vụ nghe nhìn nhưng chỉ ở mức tương đương BTA. Yêu cầu kiểm duyệt được nhấn mạnh trong tất cả các dịch vụ sản xuất, phân phối và chiếu phim; Dịch vụ xây dựng; Dịch vụ phân phối; Dịch vụ giáo dục; Dịch vụ môi trường; Dịch vụ tài chính; Dịch vụ bảo hiểm; Dịch vụ ngân hàng; Dịch vụ chứng khoán; Dịch vụ y tế; Dịch vụ du lịch; Dịch vụ văn hoá, giải trí; Dịch vụ vận tải...

Về miễn trừ tối huệ quốc, Việt Nam bảo lưu ngoại lệ MFN (có thể phân biệt đối xử) trong một số lĩnh vực. Một là các Hiệp định bảo hộ đầu tư song phương (BIT) mà ta đã ký với các nước. Theo biện pháp bảo lưu này, ta có quyền không dành những ưu đãi theo một số Hiệp định đầu tư song phương cho toàn bộ các Thành viên WTO. Trong các nước mới gia nhập gần đây, chỉ có Việt Nam giữ được bảo lưu này. Hai là dịch vụ nghe nhìn. Theo biện pháp bảo lưu này, ta có quyền phân biệt

đối xử giữa các Thành viên WTO trong các hoạt động như sản xuất, phát hành, chiếu các chương trình truyền hình, phim truyện v.v... Biện pháp bảo lưu này giúp ta dành những ưu đãi nhất định cho các Thành viên WTO đã ký với ta các hiệp định về hợp tác văn hoá.

3. Các doanh nghiệp Việt Nam và việc thực hiện cam kết gia nhập WTO

Cần phải thấy rằng việc thực hiện cam kết gia nhập WTO thuộc về Chính phủ và doanh nghiệp. Gia nhập WTO, trên thực tế là sự gia nhập của các doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng ở đây có vấn đề chưa ổn. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện cam kết WTO nhưng doanh nghiệp không có quyền quyết định về các cam kết đó. Nói cách khác Chính phủ đàm phán gia nhập WTO nhưng chính doanh nghiệp mới là chủ thể chính thực hiện các cam kết WTO. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chỉ có thể thành công với sự nỗ lực tối đa của các doanh nghiệp. Trên thực tế, sự thành công của quá trình hội nhập kinh tế còn tùy thuộc vào sức cạnh tranh, tính năng động sáng tạo của từng doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp phải tự xác định chiến lược riêng cho mình. Một mặt quy hoạch sản xuất, điều chỉnh cơ cấu, ưu tiên tập trung đầu tư cho sản xuất các mặt hàng có thế mạnh, có khả năng cạnh tranh, lấy thị trường làm định hướng, mặt khác cần khai thác các cơ hội đầu tư từ các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Khi chúng ta đàm phán đa phương và song phương để gia nhập WTO, hầu như doanh nghiệp đứng ngoài cuộc, song kết quả đàm phán lại do doanh nghiệp thực hiện. Đây là một nghịch lý. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng, nếu trước khi tiến hành đàm phán có thời gian để doanh nghiệp tham gia thảo luận, hay tiến hành "hỏi ý kiến doanh nghiệp" thì e rằng cơ hội sẽ bị tuột mất bởi thời gian không cho phép. Và lại càng gia nhập WTO muộn thì điều kiện càng khắt khe hơn. Do vậy, hiện giờ, khi quá trình đàm phán đã kết thúc, chúng ta đã trở thành thành viên của WTO, cần thực hiện các cam kết đa phương và song phương, vấn đề phổ biến các cam kết đó một cách rộng

rãi, cần có chiến dịch "tập huấn" cho các doanh nghiệp. Đã đến lúc phải làm cho các doanh nghiệp thấy rằng đội ngũ luật sư tư vấn của doanh nghiệp sẽ không thể thiếu được.

Trước mắt chúng ta cần tuyên truyền cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may. Vấn đề cần được chú ý đặc biệt là công tác điều phối và quản lý hoạt động xuất khẩu hàng dệt may - một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nền kinh tế, có kim ngạch xuất khẩu lớn. Khi chúng ta đã gia nhập WTO thì xuất khẩu hàng dệt mang sang Hoa Kỳ sẽ không còn hàng rào hạn ngạch nữa. Nhưng điều đó không có nghĩa là việc xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Hoa Kỳ sẽ thuận buồm xuôi gió. Đặc biệt là với việc Chính phủ Hoa Kỳ sẽ có biện pháp theo dõi chặt chẽ hoạt động xuất khẩu dệt may của Việt Nam, rất cần có những biện pháp xử lý chủ động ngay từ những tháng đầu năm 2007 để đảm bảo tốc độ tăng trưởng của ngành cũng như giảm thiểu các nguy cơ kiện tụng xảy ra đối với mặt hàng nhạy cảm này. Nguy cơ bị điều tra và áp thuế chống bán phá giá từ phía Hoa Kỳ là rất lớn khi nước này thực hiện việc thành lập một uỷ ban giám sát riêng hoạt động xuất khẩu dệt may của Việt Nam. Do đó cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này cần nghiên cứu và sớm đưa ra các giải pháp ngăn chặn việc chuyển tải hàng dệt may từ nước khác qua Việt Nam vào Hoa Kỳ, trong đó có việc kiểm soát chặt chẽ việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng dệt may xuất khẩu.

Những năm gần đây Việt Nam đã phải đương đầu với các vụ kiện chống bán phá giá của các đối tác, đặc biệt là Hoa Kỳ và EU. Việc xử lý các hàng rào kỹ thuật và kiện chống bán phá giá được dự báo sẽ tăng mạnh khi Việt Nam gia nhập WTO. Một trong những vấn đề cơ bản đặt ra cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam trước mắt và về lâu dài khi triển khai thực hiện các cam kết trong khuôn khổ WTO là phải đảm bảo thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng đối với hàng hoá xuất khẩu do các nước thành viên quy định. Nhiều thành viên WTO đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ ngay lập tức các Hiệp định WTO như Hiệp định về các

biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS). Điều đó sẽ đặt ra những gánh nặng về tài chính và kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong thời gian tới. Và để đáp ứng yêu cầu này, rất cần có sự phối hợp đồng bộ của các ngành và các doanh nghiệp trong việc đưa ra các biện pháp xử lý đồng bộ và có hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ rủi ro cho các doanh nghiệp. Rất tiếc là khi đã gia nhập WTO thì chúng ta vẫn chưa có cơ hội kiện lên WTO hành vi bán phá giá của các đối tác và cũng vẫn phải "hầu kiện" các vụ kiện chống bán phá giá do các đối tác như Hoa Kỳ và EU khởi xướng. Đó là vì các đối tác lớn như Hoa Kỳ và EU không công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường, hay nói cách khác, một khi chúng ta bị coi có nền kinh tế phi thị trường thì không thể dựa vào cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO trong các trường hợp chống bán phá giá hàng hoá của các nước nhập khẩu vào Việt Nam và khi bị áp thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ và EU.

4. Một số kiến nghị

Để thực hiện các cam kết gia nhập WTO, chúng ta cần khẩn trương thực hiện các công việc sau đây:

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam. Việc tuyên truyền theo từng đối tượng và ở các mức độ khác nhau. Báo cáo gia nhập của Ban công tác và các phụ lục báo cáo là các văn kiện đồ sộ, không thể phát hành rộng rãi tới mọi đối tượng. Cần phải biên soạn các loại tài liệu khác nhau phù hợp với từng đối tượng: các nhà quản lý, các doanh nghiệp, các ngành nghề. Đối với các đại biểu quốc hội, các nhà nghiên cứu cần cung cấp thông tin đầy đủ về các cam kết. Đối với đa số tầng lớp nhân dân cần biên soạn các loại sách "sổ tay", "cẩm nang", "hỏi-đáp" về cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO.

- Lập website riêng về WTO trong đó có toàn bộ các hiệp định của WTO, hoạt động của WTO, hay nói cách khác là phiên bản tiếng Việt của trang www.wto.org- website chính thức của WTO. Mọi thông tin về WTO,

(Xem tiếp trang 23)

(ii) Sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng kỹ thuật "một luật sửa nhiều luật". Trên cơ sở đó, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan soạn thảo theo hướng chuyên nghiệp hoá; đổi mới "công nghệ" làm luật của chúng ta theo hướng "thiết kế trước, thi công sau", có nghĩa là làm rõ về mặt chính sách pháp luật, các yêu cầu về nội dung, phạm vi điều chỉnh của dự án luật trước khi bắt tay vào soạn thảo cụ thể các điều khoản, tránh tình trạng "vừa thiết kế vừa thi công" hoặc "đéo cày giữa đường" trong việc chuẩn bị các văn bản của chúng ta.

Việc dùng một đạo luật điều chỉnh các vấn đề thuộc nội dung cam kết là hoàn toàn phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hơn nữa, văn bản do cơ

quan lập pháp duy nhất ban hành tạo trong tư duy của người dân và cách nhìn nhận của quốc tế có sức thuyết phục hơn.

Tóm lại, gia nhập WTO đặt ra những vấn đề cấp thiết cho việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Thành công của việc sửa đổi các quy định pháp luật hiện hành sao cho tương thích với các cam kết thể hiện tinh thần chỉ đạo là Việt Nam tuân thủ thực hiện đầy đủ các cam kết khi gia nhập WTO. Đồng thời, cần phải có những giải pháp đồng bộ để khắc phục những yếu kém và tồn tại trong hệ thống pháp luật nhằm không những bảo đảm tính đồng bộ, tương thích của hệ thống pháp luật chúng ta với các nội dung cam kết mà còn tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển bền vững của đất nước.

(Tiếp theo trang 8 – Về việc ...)

như các hiệp định của WTO, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO như Báo cáo của Ban công tác, các phụ lục kèm theo, các công trình nghiên cứu về WTO, hoạt động của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các cam kết WTO của Việt Nam. Website này cũng là nơi các doanh nghiệp đặt câu hỏi để các cơ quan có thẩm quyền trả lời về những vướng mắc khi thực hiện cam kết của Việt Nam... Hiện nay, Liên bang Nga đang trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, nhưng người Nga đã xây dựng website rất hữu dụng về WTO, gần như phiên bản tiếng Nga của website chính thức của WTO nên việc tìm hiểu về WTO rất thuận tiện (tại địa chỉ www.wto.ru). Chúng tôi cho

rằng Văn phòng Chính phủ hoặc Bộ Thương mại sẽ thực hiện nhiệm vụ xây dựng website này.

- Tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam để sửa đổi, bổ sung phù hợp với những cam kết gia nhập WTO.

- Khẩn trương đào tạo đội ngũ luật sư tư vấn để tư vấn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp thực hiện cam kết gia nhập WTO. Việc đào tạo đội ngũ luật sư này cần được coi là nhiệm vụ chiến lược về hội nhập của Chính phủ. Cần phải xây dựng chương trình môn học về WTO như một môn học bắt buộc đối với sinh viên các trường đại học, trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện về hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

1. USAID- Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế- Các văn kiện gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam, Hà Nội, 2006, 1074 tr.
2. USAID- Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế - Tìm hiểu Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hà Nội, 2006, 250 tr.
3. Bộ Ngoại giao- Vụ hợp tác kinh tế đa phương - Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: vấn đề và giải pháp
4. <http://www.wto.org>
5. <http://www.wto.ru>
6. <http://www.nhungtrangvang.com.vn/WTO/WTO>